

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST

Ngày: 27 - 5 - 2021

V/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Hải Nam và ông Lê Quang Thạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Huế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021; tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-DS ngày 01/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 27/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị Minh T, chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm thẻ. (Theo Giấy uỷ quyền số 1159/2020/GUQ-PL ngày 05/5/2020).

Địa chỉ: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

Người được ủy quyền: Ông Trương Xuân T, Phó phòng kiểm soát rủi ro, Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Quảng Bình. (Theo Giấy uỷ quyền số 973/2020/UQ-TTT ngày 28/9/2020)

Địa chỉ: 05 Q, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Công Q, tên gọi khác: T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2020, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 04/6/2008, ông Dương Công Q có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là S) Hợp đồng sử dụng thẻ tín

dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng gọi chung là hợp đồng). S đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức 5.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân cho ông Dương Công Q. Sau khi được cấp thẻ, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 7.960.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ (từ ngày kích hoạt) đến nay, ông Q đã thanh toán cho Sacombank số tiền 8.437.000 đồng. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/4/2011 S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, tổng các khoản phí ông Q phải chịu 2.970.000 đồng, tổng tiền lãi 996.731 đồng. Tính đến ngày 10/6/2020, ông Q còn nợ Sacombank các khoản: Nợ gốc 3.489.731 đồng, lãi quá hạn 11.575.845 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Sacombank nộp bảng kê yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Công Q trả nợ cho Sacombank số tiền 16.274.391 đồng, trong đó nợ gốc là 3.489.731 đồng, lãi quá hạn số tiền 12.784.660 đồng và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đối với bị đơn Dương Công Q, tên gọi khác: T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm theo giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải hợp lệ đến các đương sự nhưng anh Dương Công Q vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng anh Q vẫn vắng mặt.

Theo kết quả xác minh tại Ban Công an xã T, huyện L do Tòa án thu thập, Ban Công an xã T, huyện L xác nhận: Anh Dương Công Q (T), sinh ngày 18/11/1977, có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Anh Dương Công Q có tên gọi khác là T. Hiện tại Dương Công Q (T) không có mặt tại địa phương; thỉnh thoảng anh Q (T) có về địa phương (Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình) một hoặc hai ngày rồi rời khỏi địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 01/2019 của UBTVQH, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Dương Công Q phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 16.274.391 đồng tính đến ngày xét xử và ông Q còn chịu khoản lãi phát sinh đối với số tiền trên kể từ ngày 27/5/2021 đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/6/2008.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên toà họp lệ đến bị đơn nhưng anh Dương Công Q (T) vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hoà giải được. Anh Q (T) vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất ngày 27/4/2021 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà lần thứ hai, bị đơn vẫn vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên toà họp lệ. Theo kết quả xác minh, anh Dương Công Q (T) đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, huyện L. Hiện tại Dương Công Q (T) không có mặt tại địa phương; thỉnh thoảng anh Q (T) có về địa phương một hoặc hai ngày rồi rời khỏi địa phương. Anh Q (T) thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng mà không thông báo cho người khởi kiện biết nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Dương Công Q (T).

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp về “Hợp đồng tín dụng” thuộc tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đăng ký thường trú tại xã Tân Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/6/2008 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định anh Dương Công Q đã được S cấp thẻ tín dụng với hạn mức 5.000.000 đồng, lãi suất 1.80%/tháng (ngày 14/12/2010 điều chỉnh lãi suất 1.975%/tháng), mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh Q đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 7.960.000 đồng, tương ứng các khoản phí anh Q phải chịu là 2.970.000 đồng, đến ngày 01/7/2010, anh Q dừng thanh toán với S. Theo các tài liệu do S cung cấp, tính đến ngày 31/3/2011, anh Q còn nợ S: $7.960.000 - (8.437.000 - 2.900.000 - 996.731) = 3.489.731$ đồng. Hội đồng xét xử xác định, do anh Q vi phạm thỏa thuận ghi trong hợp đồng thẻ tín dụng và điều kiện điều khoản phát hành, sử dụng thẻ tín dụng; vì vậy, S yêu cầu Tòa án buộc anh Q (T) phải thanh toán cho S tổng số tiền 16.274.391 đồng, trong đó: Nợ gốc 3.489.731 đồng, nợ lãi 12.784.660 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (27/5/2021) và thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/5/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng là có cơ sở,

cần được chấp nhận là phù hợp với Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng ngày 04/6/2008) được ký kết giữa S và anh Dương Công Q (tên gọi khác: T); phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; các Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 688 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng TMCP S, buộc anh Dương Công Q, tên gọi khác: T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 16.274.391đ (Mười sáu triệu hai trăm bảy mươi bốn ba trăm chín mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 3.489.731đ (Ba triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi một đồng), nợ lãi số tiền 12.784.660đ (Mười hai triệu bảy trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi đồng) tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/5/2021.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh Dương Công Q, tên gọi khác: T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết ngày 04/6/2008.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Anh Dương Công Q, tên gọi khác T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 813.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền 377.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số AA/2017/0006179 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/5/2021); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao nhận hoặc ngày niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Sơn